**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 8**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | | | **Tổng%**  **điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
| **TL** | **TL** | **TL** | **TL** |  |
| **1** | **Hàm số và đồ thị** | Hàm số bậc nhất  y = ax + b (a ≠ 0) và đồ thị. |  |  | Bài 2ab  (1,5đ) |  | 3 |
| Toán thực tế hàm số bậc nhất |  |  | Bài 3a (1đ) | Bài 3b  (0,5đ) |
| **2** | **Phương trình** | Phương trình bậc nhất một ẩn |  | Bài 1a  (1đ) | Bài 1b  (1đ) |  | 3,5 |
| Giải bài toán bằng cách lập phương trình |  |  | Bài 5  (1,5đ) |  |
| **3** | **Hình đồng dạng** | Hình đồng dạng | Bài 4  (1đ) |  |  |  | 1 |
| Tam giác đồng dạng |  | Bài 6a  (1đ) | Bài 6b  (1đ) | Bài 6c  (0,5đ) | 2,5 |
| **Tổng điểm** | | | **1** | **2** | **6** | **1** | 10 |
| **Tỉ lệ %** | | | **10%** | **20%** | **60%** | **10%** | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **30%** | | **70%** | | **100%** |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 8**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biêt** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Hàm số và đồ thị** | Hàm số bậc nhất  y = ax + b (a ≠ 0) và đồ thị. | **Vận dụng:**  – Vẽ được đồ thị của hàm số bậc nhất *y* = *ax* + *b* (*a* ≠ 0).  – Vận dụng được phương trình tìm tọa độ giao điểm hai đồ thị bằng phép tính. |  |  | Bài 2ab  (2) |  |
| Toán thực tế hàm số bậc nhất | **Vận dụng:**  – Vận dụng được hàm số bậc nhất và đồ thị vào giải quyết một số bài toán thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** (ví dụ: bài toán về chuyển động đều trong Vật lí,...).  **Vận dụng cao:**  – Vận dụng được hàm số bậc nhất và đồ thị vào giải quyết một số bài toán ***(phức hợp, không quen thuộc)*** thuộc có nội dung thực tiễn. |  |  | Bài 3a  (1) | Bài 3b  (1) |
| **2** | **Phương trình** | Phương trình bậc nhất một ẩn | **Thông hiểu:**  – Giải được phương trình bậc nhất một ẩn (chuyển vế)  **Vận dụng:**  – Giải được phương trình bậc nhất một ẩn (có mẫu số) |  | Bài 1a  (1) | Bài 1b  (1) |  |
| Giải bài toán bằng cách lập phương trình | **Vận dụng:**  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với phương trình bậc nhất (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, các bài toán liên quan đến Hoá học,...). |  |  | Bài 5  (1) |  |
| **3** | **Hình đồng dạng** | Hình đồng dạng | **Nhận biết:**  – Nhận biết được hình đồng dạng phối cảnh (hình vị tự), hình đồng dạng qua các hình ảnh cụ thể. | Bài 4  (1) |  |  |  |
| Tam giác đồng dạng | **Thông hiểu:**  – Giải thích được các trường hợp đồng dạng của hai tam giác, của hai tam giác vuông.  **Vận dụng:**  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với việc vận dụng kiến thức về hai tam giác đồng dạng (ví dụ: tính độ dài, lập hệ thức giữa các cạnh từ tỉ số đồng dạng của hai tam giác, ...)  **Vận dụng cao:**  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với việc vận dụng kiến thức về hai tam giác đồng dạng. |  | Bài 6a  (1) | Bài 6b  (1) | Bài 6c  (1đ) |
| **Tổng số câu** | | | | 1 | 2 | 6 | 2 |
| **Tỉ lệ %** | | | | **10%** | **20%** | **60%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | | **30%** | | **70%** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND HUYỆN CỦ CHI**  **TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ**  **TÂN PHÚ TRUNG** | **ĐỀ THAM KHẢO CUỐI HỌC KÌ II**  **NĂM HỌC: 2023-2024**  **MÔN: TOÁN 8**  **Thời gian làm bài: 90 phút**  ***(Không kể thời gian giao đề)*** |

**Câu 1 (2đ)** : Giải phương trình

1. 4x – 3 = 2x + 5 b) 

**Câu 2 (1,5đ**) : Cho (d1): y = 2x và (d2): y = -x + 3

1. Vẽ đồ thị của (d1) và (d2) trên cùng mặt phẳng tọa độ Oxy.
2. Tìm tọa độ giao điểm của (d1) và (d2) bằng phép tính.

**Câu 3 : (1,5đ)** Một Ô tô và xe máy đang ở vị trí bến xe Miền Tây TP. HCM cách Quận 1 10km đi về hướng Cần Thơ với vận tốc Ô tô 50km/h và vận tốc xe máy 40km/h. (Xem hình vẽ)

Gọi y(km) là khoảng cách từ Quận 1 đến vị trí Ô tô, Xe máy sau đi x (giờ).

Ô tô

C.Thơ

B.Xe

Xe máy

Q1

10km

a) Lập hàm số y theo x của mỗi xe

b) Nếu hai xe xuất phát cùng lúc thì sau bao lâu hai xe cách nhau 30km?

**Bài 5. (1đ)** Cho hình vẽ



1. Chỉ ra các hình đồng dạng.
2. Chỉ ra các hình đồng dạng phối cảnh

**Bài 5** **(1đ):** Hai lớp  và  của một trường THCS có  học sinh. Trong đợt quyên góp sách ủng hộ học sinh vùng lũ lụt, mỗi bạn lớp  ủng hộ  quyển, mỗi bạn lớp  ủng hộ  quyển. Tính số học sinh của mỗi lớp biết rằng cả hai lớp ủng hộ được  quyển sách.

**Bài 6: (3đ)** Cho tam giác ABC vuông tại A và có đường cao AH (). Biết AB = 3 cm, AC = 4 cm.

a) Chứng minh .

b) Tính độ dài đường cao AH.

c) Đường phân giác của góc ABC cắt AH, AC lần lượt tại M và N.

Chứng minh:

**ĐÁP ÁN ĐỀ THAM KHẢO CUỐI HỌC KÌ II MÔN TOÁN 8**

**NĂM HỌC: 2023-2024**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | **HƯỚNG DẪN CHẤM** | **BIỂU ĐIỂM** |
| **Bài 1**  **(2đ)** | a)4x – 3 = 2x + 5  2x = 8  x = 4  b)  3(x-1) – 2(2x + 1) = -5  3x – 1 – 4x -2 = -5  x = 2 | 0,5đ  0,5đ  0,5đ  0,25đ  0,25đ |
| **Bài 2: (1,5đ)** | Cho (d1): y = 2x và (d2): y = -x + 3  a)Lập đúng bảng giá trị  Vẽ đúng đồ thị  b)Pt hoành độ giao điểm :  2x = - x + 3  x = 1 suy ra y = 2  Tọa độ giao điểm (1;2) | 0,5đ  0,5đ  0,25đ  0,25 |
| **Bài 3**  **(1,5đ)** | a)Ô tô : y = 50x + 10  Xe máy : y = 40x + 10  b)Ta có : (50x + 10) – (40x + 10) = 30  x = 3  Vậy sau 3h ô tô và xe máy cách nhau 30km | 0,5đx2  0,25đ  0,25đ |
| **Bài 4**  **(1đ)** | a)Hình a và c đồng dạng  b)Hình a và b là hình đồng dạng phối cảnh | 0,5đ  0,5đ |
| **Bài 5**  **(1đ)** | Gọi x (hs)là số học sinh lớp 8A ()  Suy ra số hs lớp 8B là : 90 – x (hs)  Vì mỗi bạn lớp  ủng hộ  quyển, mỗi bạn lớp  ủng hộ  quyển được 222 quyển nên ta có pt:  3x + 2(90 – x) = 222  x = 44  Vậy số hs lớp 8A, 8B là : 44, 46 (hs) | 0,25đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ |
| **Bài 6**  **(3đ)** | C:\Users\ViTinhNhanh\Desktop\1.PNG  a)Xét  và có:      Do đó  b)Áp dụng định lý Pythagore cho  vuông tại A để tính độ dài cạnh BC = 5 cm  =>  => (cm).    c)có BM là tia phân giác  => (1)  có BN là tia phân giác  => (2)  => (3)  Từ (1),(2) và (3) => =>AM.AN=MH.NC | 0,5đ  0,5đ  0,25đ  0,25đ  0,5đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ |